

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 1		
Mã học phần:	71ACCT30093	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT30093_02, 03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán kế toán tiền, các khoản phải thu, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu và kế toán giá thành và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
CLO2	Vận dụng các quy định của Chế độ kế toán để trình bày các chỉ tiêu liên quan trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2/ PI2.2
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, phải thu, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu và kế toán giá thành và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất.	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8/ PI8.2
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ Luật kế toán và Luật thuế trong khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/ PI9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)**Câu 1a-CLO1[lần 1]:**

Công ty tiến hành quyết toán số tiền đã tạm ứng 20.000.000 đồng cho nhân viên phòng Mua hàng như sau: hóa đơn mua hàng hóa có giá chưa thuế giá trị gia tăng 15.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%; chi phí vận chuyển 550.000 đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10%; tất cả được thanh toán bằng tiền tạm ứng. Số tiền chênh lệch kế toán quyết toán bằng tiền mặt và ghi sổ như sau:

A.	Nợ TK 1111	2.950.000	
	Có TK 141		2.950.000
B.	Nợ TK 141	2.950.000	
	Có TK 1111		2.950.000
C.	Nợ TK 1111	4.500.000	
	Có TK 141		4.500.000
D.	Nợ TK 1111	4.450.000	
	Có TK 141		4.450.000

ANSWER: A**Câu 1b-CLO1[lần 1]:**

Công ty tiến hành quyết toán số tiền đã tạm ứng 10.000.000 đồng cho nhân viên phòng Thu Mua như sau: hóa đơn mua hàng hóa có giá chưa thuế giá trị gia tăng 7.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%; chi phí vận chuyển 330.000 đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10%; tất cả được thanh toán bằng tạm ứng. Số tiền chênh lệch kế toán quyết toán bằng tiền mặt và ghi sổ như sau:

A.	Nợ TK 1111	1.970.000	
	Có TK 141		1.970.000
B.	Nợ TK 141	1.970.000	
	Có TK 1111		1.970.000
C.	Nợ TK 1111	2.670.000	
	Có TK 141		2.670.000
D.	Nợ TK 1111	2.670.000	
	Có TK 141		2.670.000

ANSWER: A**Câu 2 (random 1 trong 2)****Câu 2a-CLO1[lần 1]**

Ngày 15/10/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu đưa thẳng ra phân xưởng để sản xuất sản phẩm với giá mua chưa thuế GTGT là 6.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Biết công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán tiến hành ghi sổ:

A.	Nợ TK 621	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
B.	Nợ TK 152	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
C.	Nợ TK 154	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
D.	Nợ TK 631	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1/lần 1/

Ngày 15/10/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu nhập kho với giá mua chưa thuế GTGT là 6.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Biết công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán tiến hành ghi sổ:

A.	Nợ TK 152	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
B.	Nợ TK 621	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
C.	Nợ TK 154	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000
D.	Nợ TK 631	6.000.000	
	Nợ TK 1331	480.000	
	Có TK 331		6.480.000

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)**Câu 3a-CLO1[lần 1]**

Ngày 1/12/N, xuất kho công cụ dụng cụ (loại phân bổ một lần) trị giá 600.000 đồng ra sử dụng tại phân xưởng sản xuất. Kế toán định khoản:

- A.** Nợ TK 6273 600.000
 Có TK 153 600.000
- B.** Nợ TK 242 600.000
 Có TK 153 600.000
- C.** Nợ TK 6273 600.000
 Có TK 242 600.000
- D.** Nợ TK 6273 600.000
 Có TK 1111 600.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[lần 1]

Ngày 1/12/N, công ty chi tiền mặt mua một số công cụ dụng cụ (loại phân bổ 2 kỳ) với giá mua chưa thuế 1.200.000 đồng, thuế suất GTGT 8%, sử dụng ngay tại phân xưởng sản xuất. Bút toán phân bổ công cụ dụng cụ vào cuối tháng 12/N là:

- A.** Nợ TK 6273 600.000
 Có TK 242 600.000
- B.** Nợ TK 6273 600.000
 Có TK 153 600.000
- C.** Nợ TK 242 1.200.000
 Nợ TK 1331 960.000
 Có TK 1111 2.160.000
- D.** Nợ TK 6273 1.200.000
 Nợ TK 1331 960.000
 Có TK 1111 2.160.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)**Câu 4a-CLO1[lần 1]**

Ngày 30/11/N, kế toán tiến hành trích khấu hao tháng 11 cho một thiết bị bán hàng có nguyên giá 72.000.000 đồng, giá trị thu hồi ước tính bằng 0, thời gian sử dụng ước tính của thiết bị trên là 8 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 1/6/N. Biết công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, kế toán ghi sổ:

A. Nợ TK 6414 750.000

Có TK 2141 750.000

B. Nợ TK 6414 4.500.000

Có TK 2141 4.500.000

C. Nợ TK 6414 750.000

Có TK 242 750.000

D. Nợ TK 6414 4.500.000

Có TK 242 4.500.000

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[lần 1]

Ngày 30/11/N, kế toán tiến hành trích khấu hao tháng 11 cho một thiết bị sản xuất có nguyên giá 81.000.000 đồng, giá trị thu hồi ước tính bằng 0, thời gian sử dụng ước tính của thiết bị trên là 8 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 1/6/N. Biết công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, kế toán ghi sổ:

A. Nợ TK 6274 843.750

Có TK 2141 843.750

B. Nợ TK 6274 5.062.500

Có TK 2141 5.062.500

C. Nợ TK 6274 843.750

Có TK 242 843.750

D. Nợ TK 6274 5.062.500

Có TK 242 5.062.500

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)

Câu 5a-CLO2[lần 1]

Thông tin về hàng tồn kho tại ngày 31/12/N của một doanh nghiệp sản xuất như sau:

Số dư bên Nợ của: TK 152-A là 150.000.000 đồng, TK 154 là 110.000.000 đồng, TK 155 là 500.000.000 đồng và số dư bên Có của TK 2294-A là 30.000.000 đồng. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

A. Chi tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 760.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)

B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 760.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 30.000.000

C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 730.000.000

D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 730.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (30.000.000)

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2/lần 1/

Thông tin về hàng tồn kho tại ngày 31/12/N của một doanh nghiệp sản xuất như sau:

Số dư cuối kỳ bên Nợ của: TK 152-A là 250.000.000 đồng, TK 154 là 94.000.000 đồng, TK 155 là 450.000.000 đồng và số dư bên Có của TK 2294-A là 60.000.000 đồng. Thông tin này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 794.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (60.000.000)

B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 794.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 60.000.000

C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 734.000.000

D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 734.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (60.000.000)

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2/lần 1/

Thông tin liên quan đến nợ phải thu khách hàng sau khi khóa sổ ngày 31/12/N như sau:

Dư Nợ của TK 131-An Phát: 100.000.000; hạn thanh toán 31/3/N+1

Dư Nợ của TK 131-Lan Anh: 200.000.000; hạn thanh toán 15/2/N+1

Dư Có của TK 131-Thiện Phước: 10.000.000; nhận ứng trước của công ty Thiện Phước cho hợp đồng bán hàng trong tháng 1/N+1.

Kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào?

A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 300.000.000 và chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương là 10.000.000

B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 300.000.000 và chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi âm là (10.000.000)

C. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 290.000.000

D. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 310.000.000

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 1]

Thông tin liên quan đến nợ phải thu khách hàng sau khi khóa sổ ngày 31/12/N như sau:

Dư Nợ của TK 131-An Phát: 200.000.000; hạn thanh toán 31/3/N+1

Dư Nợ của TK 131-Lan Anh: 400.000.000; hạn thanh toán 15/2/N+1

Dư Có của TK 131-Thiện Phước: 20.000.000; nhận ứng trước của công ty Thiện Phước cho hợp đồng bán hàng trong tháng 1/N+1.

Kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào?

A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 600.000.000 và chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương là 20.000.000

B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 600.000.000 và chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi âm là (20.000.000)

C. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 580.000.000

D. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn”, mã số 131, số tiền ghi dương là 620.000.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 1]

Theo qui định hiện hành, doanh nghiệp mua tài sản cố định sử dụng cho mục đích nào sau đây sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào?

A. Mục đích phúc lợi

B. Mục đích kinh doanh

C. Mục đích phát triển khoa học công nghệ

D. Mục đích phúc lợi và mục đích phát triển khoa học công nghệ

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 1]

Theo qui định hiện hành, doanh nghiệp sẽ không trích khấu hao đối với tài sản cố định nào sau đây?

A. Quyền sử dụng đất không thời hạn

B. Xe ô tô sử dụng cho mục đích phúc lợi

C. Thiết bị sử dụng để phát triển khoa học công nghệ

D. Máy photocopy dùng tại bộ phận Nhân sự

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 1]

Thông tin về hàng tồn kho trong công ty X vào cuối năm N như sau (ĐVT: đồng)

Loại hàng	Giá bán ước tính	Chi phí bán ước tính	Giá gốc
A	100.000.000	5.000.000	90.000.000
B	50.000.000	8.000.000	55.000.000
C	30.000.000	6.000.000	24.000.000

Theo qui định hiện hành, kế toán công ty X cần lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho những loại nào vào cuối năm N?

A. Hàng B

B. Hàng B và hàng C

C. Hàng A và hàng C

D. Hàng A

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 1]

Thông tin về hàng tồn kho trong công ty X vào cuối năm N như sau (ĐVT: đồng)

Loại hàng	Giá bán ước tính	Chi phí bán ước tính	Giá gốc
A	100.000.000	5.000.000	95.000.000
B	50.000.000	8.000.000	30.000.000
C	30.000.000	6.000.000	60.000.000

Theo qui định hiện hành, kế toán công ty X cần lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho những loại nào vào cuối năm N?

A. Hàng C

B. Hàng A và hàng B

C. Hàng A và hàng C

D. Hàng B

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN -CLO3 [LẦN 1] (6.0 điểm)

Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty Bình An như sau:

- Kỳ kế toán tháng;

- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 31/12/N-1:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 152-A	100.000.000	1.000kg, đơn giá gốc 100.000 đồng/kg
TK 155-X	800.000.000	500 sản phẩm X với đơn giá thành 1.600.000 đồng/sản phẩm
TK 131- Minh Anh	5.000.000	dư Có, khoản nhận ứng trước từ công ty Minh Anh cho đơn hàng số 1, hạn giao ngày 3/1/N
TK 131- Anh Quân	300.000.000	dư Nợ, khoản phải thu từ công ty Anh Quân, thời hạn thanh toán 15/1/N
TK 4211	600.000.000	
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 1/N sau:

1.a.1. Ngày 2, mua thêm 1.000kg nguyên vật liệu A về nhập kho với đơn giá mua chưa thuế 95.000 đồng/kg, thuế VAT 8%. Lô nguyên liệu đã về nhập kho đủ trong ngày, tiền hàng chưa thanh toán.

1.a.2. Ngày 3, xuất kho 200 sản phẩm X bán cho công ty Minh Anh theo hợp đồng mua hàng số 1, với giá bán chưa thuế GTGT 2.500.000 đồng/sản phẩm, thuế suất GTGT 8%, tiền hàng còn lại đã thu đủ ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

1.a.3. Ngày 5, xuất kho một cái máy in có giá trị 12.000.000 đồng ra sử dụng tại phòng Bán hàng, biết công cụ này có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này.

1.a.4. Ngày 7, công ty Minh Anh đề nghị giảm giá 20% trên 50 sản phẩm bị lỗi trong lô hàng giao ngày 3/12. Công ty Bình An đồng ý và đã xuất hóa đơn điều chỉnh giảm giá, đồng thời cũng đã chuyển khoản hoàn tiền lại khoản giảm giá cho khách hàng.

1.a.5. Ngày 8, xuất kho 1.200 kg nguyên liệu A ra phân xưởng để trực tiếp sản xuất sản phẩm.

1.a.6. Ngày 9, mua một máy photocopy dùng ngay tại phòng Kế toán với giá mua chưa thuế 105.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán. Chi phí lắp đặt, chạy thử 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10% đã trả bằng tiền mặt. Biết tài sản trên có thời gian sử dụng ước tính 6 năm, giá trị thu hồi ước tính bằng 0.

1.a.7. Ngày 15, nhận được Giấy báo Có của ngân hàng VIB với nội dung công ty Anh Quân thanh toán tiền hàng còn nợ từ tháng trước.

1.a.8. Ngày 16, kế toán tiến hành trích lập 30% lợi nhuận chưa phân phối năm ngoái để bổ sung vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

1.a.9. Ngày 31, kế toán thực hiện các bút toán điều chỉnh sau:

- Phân bổ công cụ dụng cụ (máy in) đang sử dụng tại cửa hàng;
- Trích khấu hao máy photocopy đang sử dụng tại phòng Kế toán từ ngày 9/1.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận		6.0	
1.a.1	Nợ TK 152 95.000.000 Nợ TK 1331 7.600.000 Có TK 331 102.600.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 1121 535.000.000 Nợ TK 131-ứng 5.000.000 Có TK 5111 500.000.000 Có TK 1121 40.000.000 Nợ TK 632 320.000.000 Có TK 155 320.000.000	0.5 0.5	
1.a.3	Nợ TK 242 12.000.000 Có TK 152 12.000.000	0.5	
1.a.4.	Nợ TK 5213 25.000.000 (=20% $\times$ 50 $\times$ 2.500.000)	0.5	

	Nợ TK 3331 2.000.000 Có TK 112 27.000.000		
1.a.5.	Nợ TK 621 119.000.000 Có TK 152 119.000.000 =1.000 x 100.000+200x95.000	0.5	
1.a.6	Nợ TK 211 105.000.000 Nợ TK 1332 10.500.000 Có TK 331 115.500.000 Nợ TK 211 3.000.000 Nợ TK 133 300.000 Có TK 111 3.300.000	0.5 0.5	
1.a.7	Nợ TK 1121 300.000.000 Có TK 131-AQ 300.000.000	0.5	
1.a.8	Nợ TK 4211 180.000.000 Có TK 353 180.000.000	0.5	
1.a.9	Phân bổ CCDC Nợ TK 6413 2.000.000 Có TK 242 2.000.000 Trích khấu hao TSCĐ: Nợ TK 6424 1.112.903 Có TK 2141 1.112.903 (=108.000.000*(31-9+1)/(6*12*31))	0.5 0.5	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 Tháng 11 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng